

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP Ở HÀN QUỐC

• TS. VƯƠNG THANH HƯƠNG

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Hàn Quốc đã trở thành một trong những “con rồng” ở Châu Á với nền kinh tế phát triển chỉ trong hơn 3 thập niên sau khi giành được độc lập. Sự thành công này là thành quả của nhiều nhân tố, trong đó có giáo dục và đào tạo. Giáo dục (GD) ở Hàn Quốc đã góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trên 3 phương diện chính: *Thứ nhất*, về phương diện chính trị, GD đã góp phần tạo ra đội ngũ các nhà chính trị tài năng và tạo cơ sở cho các thể chế dân chủ phát triển; *Thứ hai*, GD đã góp phần nâng cao dân trí và phát triển văn hoá, xã hội; *Thứ ba*, GD đã thúc đẩy kinh tế phát triển thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, kĩ năng cao, đáp ứng được những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Hàn Quốc. Sự thành công trong phát triển GD ở Hàn Quốc là nhờ nhiều nhân tố, trong đó phải kể tới tinh thần hiếu học, sự đầu tư có hiệu quả vào nguồn vốn nhân lực của chính phủ và việc phát triển GD ngoài công lập.

1. Phát triển GD ngoài công lập

Hệ thống GD hiện nay ở Hàn Quốc được thành lập theo Luật GD có hiệu lực năm 1949. Đây là một hệ thống GD liên tục gồm GD tiểu học 6 năm, trung học cơ sở (THCS) 3 năm, trung học phổ thông (THPT) 3 năm và 4 năm học cao

đẳng (CĐ) hoặc đại học (ĐH).

GD ngoài công lập Hàn Quốc phát triển ở mọi cấp bậc học (xem bảng 1). Khoảng 1/3 các trường THCS là trường tư thục và hơn một nửa các trường THPT là trường tư thục. 3/4 trong tổng số sinh viên ĐH đang học tập ở các trường tư thục. Các trường tiểu học và trung học trực thuộc sự chỉ đạo và giám sát của Bộ GD. Hàn Quốc đã xây dựng một hệ thống kiểm định các trường ĐH nhưng chưa được triển khai cụ thể trong thực tiễn. Hoạt động của các trường ngoài công lập phụ thuộc chủ yếu vào nguồn học phí và quà tặng, ngoài ra chính phủ cũng có hỗ trợ tài chính cho các trường ngoài công lập.

Năm 1960, Hàn Quốc đã thực hiện phổ cập GD tiểu học. Những năm sau đó Hàn Quốc cũng đã đầu tư nhiều vào GD, vượt ra khỏi bậc tiểu học. Năm 1995 tổng số học sinh trung học là 90% và tỉ lệ GD ĐH đã đạt gần 55%, một tỉ lệ có thể so sánh với phần lớn các nước OECD. Tỉ lệ nhập học ĐH của Hàn Quốc năm 2000 là 78% - cao nhất so với một số nước như Na Uy là 70%, Úc 63%, Mĩ 73%, Thái Lan 35%, Trung Quốc 7,0% và Việt Nam là 10% (UNDP, Human Development Report, 2003). Nhiều nhà phân tích cho rằng, khu vực tư nhân đã đóng vai trò quan trọng làm tăng nhanh về số lượng người

Bảng 1: Thống kê trường học ở Hàn Quốc

| | 1999 | | 2002 | | 2003 | |
|---------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Quốc lập và công lập | Tư thục | Quốc lập và công lập | Tư thục | Quốc lập và công lập | Tư thục |
| Mẫu giáo | 4351 | 4439 | 4240 | 4103 | 4284 | 4008 |
| Tiểu học | 5468 (739) | 76 | 5308 (659) | 76 | 5387 (578) | 76 |
| Trung học cơ sở | 2057 (48) | 684 | 2138 (56) | 671 | 2181 (53) | 669 |
| Trung học phổ thông | 571 | 610 | 633 | 621 | 669 | 628 |
| CĐ | 16 | 145 | 16 | 143 (1) | 16 | 142 (1) |
| ĐH Sư phạm | 11 | | 11 | | 11 | |
| ĐH 4 năm | 26 (1) | 132 (18) | 26 (1) | 137 (18) | 26 (1) | 143 (18) |

Nguồn: Education in Korea, KEDI, 2004, p. 194-195

* Số liệu ghi trong ngoặc là các trường nhánh và không tính gộp vào tổng số trường quốc lập/ công lập và tư thục.

Bảng 2: Số liệu thống kê về đội ngũ giáo viên

| Trường | | Quốc lập | | Công lập | | Tư thực | |
|------------|---------|----------|--------|----------|---------|---------|--------|
| | | 2002 | 2003 | 2002 | 2003 | 2002 | 2003 |
| Mầm non | Tổng số | 15 | 16 | 6.384 | 6.537 | 23.274 | 23.737 |
| | Nữ | 15 | 16 | 6.377 | 6.530 | 22.673 | 23.168 |
| Tiểu học | Tổng số | 462 | 467 | 145.309 | 151.864 | 1.726 | 1.744 |
| | Nữ | 197 | 202 | 99.492 | 105.224 | 871 | 898 |
| THCS | Tổng số | 380 | 381 | 75.337 | 79.285 | 19.566 | 20.051 |
| | Nữ | 167 | 179 | 49.467 | 52.876 | 7.244 | 7.619 |
| THPT | Tổng số | 623 | 623 | 35.733 | 37.623 | 38.042 | 38.420 |
| | Nữ | 166 | 166 | 16.197 | 17.899 | 10.177 | 10.517 |
| CD | Tổng số | 353 | 373 | 364 | 364 | 11.439 | 11.237 |
| | Nữ | 82 | 87 | 47 | 46 | 2.850 | 2.832 |
| ĐH sư phạm | Tổng số | 721 | 740 | | | | |
| | Nữ | 133 | 146 | | | | |
| ĐH 4 năm | Tổng số | 11.144 | 11.414 | 488 | 510 | 32.545 | 33.348 |
| | Nữ | 1010 | 1051 | 42 | 49 | 5.368 | 5.631 |

Nguồn: Education in Korea, KEDI 2004, p. 198-199

Bảng 3: Số liệu thống kê về số lượng học sinh

| Loại trường | | Quốc lập | | Công lập | | Tư thực | |
|-------------|---------|----------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | 2002 | 2003 | 2002 | 2003 | 2002 | 2003 |
| Mầm non | Tổng số | 267 | 269 | 119.301 | 120.560 | 430.688 | 425.702 |
| | Nữ | 122 | 141 | 58.552 | 59.452 | 203.281 | 201.962 |
| Tiểu học | Tổng số | 11.070 | 10.957 | 4.076.286 | 4.114.351 | 51.010 | 50.318 |
| | Nữ | 5.438 | 5.384 | 1.913.381 | 1.932.676 | 24.055 | 23.854 |
| THCS | Tổng số | 6.648 | 6.512 | 1.447.514 | 1.470.487 | 386.868 | 377.642 |
| | Nữ | 3.132 | 3.040 | 684.415 | 693.112 | 182.791 | 177.805 |
| THPT | Tổng số | 9705 | 9293 | 547.355 | 569.439 | 663.086 | 645.720 |
| | Nữ | 4627 | 4482 | 267.556 | 277.364 | 307.441 | 301.539 |
| CD | Tổng số | 14.225 | 14.423 | 24.620 | 24.614 | 924.284 | 886.926 |
| | Nữ | 4.715 | 4.691 | 6.697 | 6.626 | 341.752 | 323.791 |
| ĐH sư phạm | Tổng số | 23.259 | 23.552 | | | | |
| | Nữ | 17.014 | 17.324 | | | | |
| ĐH 4 năm | Tổng số | 366.900 | 372.605 | 20.399 | 20.565 | 1.384.439 | 1.415.369 |
| | Nữ | 126.955 | 129.039 | 5.658 | 5.784 | 515.038 | 530.436 |

Nguồn: Education in Korea, KEDI 2004, p. 196-197

học, đặc biệt trong GD ĐH. Tính trong năm 1995, số người theo học các trường ĐH, CD tư nhân đã đạt 82% tổng số sinh viên ĐH. Cũng trong năm này, chi phí của tư nhân cho GD ĐH bằng 6% GDP, vượt xa tỉ lệ 5% của chính phủ. Số lượng trường học, học sinh và giáo viên thuộc khu vực GD ngoài công lập ở các cấp bậc học cũng phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây (Xem bảng 1, 2, 3).

2. Các điều kiện phát triển GD ngoài công lập

2.1. Chính sách của nhà nước

GD mầm non ở Hàn Quốc có truyền thống từ khi bắt đầu hình thành do các tổ chức tôn giáo và xã hội quản lí. Sau khi giành độc lập, Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi cho phép thành lập các trường mẫu giáo tư thực và không đặt ra nhiều yêu cầu đối với những người thành lập trường:

- Cho phép mọi cá nhân thành lập trường mẫu giáo tư thực;

- Cho phép những người thành lập đặt ra mục đích GD hoặc những triết lí GD của riêng họ;

- Cho phép những người thành lập thuê đội ngũ nhân viên mà những nhân viên này đồng ý với những triết lí GD của họ và để uỷ thác quyền quản lí đối với họ trong việc cung cấp dịch vụ GD có chất lượng;

- Cho phép những người thành lập có nhiều cơ sở trường, lớp hơn một trường mẫu giáo;

- Thừa nhận các trường mẫu giáo tư thực như là những tổ chức không vụ lợi và tạo cho họ một số thuận lợi như: Miễn thuế mua nhà cho xây dựng trường mẫu giáo; giảm 10% thuế về các dịch vụ điện, nước; cho phép những người chủ trường đi thuê những nhà đã có, trường lớp mới là không yêu cầu.

Nhà nước cũng có chính sách miễn một số loại thuế khác như miễn thuế cho mua sắm ô tô của nhà trường, miễn 10% thuế phụ thêm cho mua sắm đàn Piano của trường. Thêm nữa, các chủ trường mẫu giáo tư thực được phép thuê giáo viên cho chính họ và đặt ra mức lương chi trả cho giáo viên. Nhà nước cũng đề ra các chương trình quốc gia, dưới sự quản lí của Bộ GD để giúp đỡ GD mẫu giáo, cung cấp các hướng dẫn cho các trường mẫu giáo tư thực thông qua những thanh tra nhà trường. Ngoài ra các trường mẫu giáo tư thực cũng được tạo điều kiện cho những hỗ trợ khác như:

- Cho phép hiệu trưởng tuyển sinh trẻ em một cách độc lập từ bất cứ quận, huyện nào;

- Khuyến khích các ông chủ công ty trả học phí cho con em của những người làm thuê.

Đối với GD phổ thông, chính phủ Hàn Quốc rất chú trọng trợ giúp và tạo những điều kiện cần thiết để giúp hệ thống các trường dân lập, tư thực phát triển. Từ đầu những năm 70, chính phủ đã trợ giúp kinh phí cho các trường phổ thông cơ sở dân lập và từ năm 1979, các trường THPT dân lập bắt đầu nhận được trợ giúp tài chính từ chính phủ. Từ đầu những năm 90, chính phủ Hàn Quốc đã đẩy mạnh quá trình xã hội hoá và thực hiện chính sách hỗ trợ phần lớn ngân sách cho các trung tâm tư nhân đào tạo nghề cho các học sinh sau khi tốt nghiệp THPT.

Mức độ trợ giúp tài chính của chính phủ cho các trường dân lập, tư thực thường dựa trên quy mô đào tạo, cơ cấu thu chi của các trường. Một

chính sách rất có ý nghĩa khác của chính phủ đối với các trường tư thực là giảm thiểu hoặc miễn thuế để họ có thêm nguồn thu liên quan đến hoạt động trực tiếp của các trường thuộc khu vực GD tư thực như thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế tài sản, thuế doanh thu và một số loại thuế thuộc địa phương và vùng quản lí. Trong trường hợp các cơ sở GD này tiến hành kinh doanh thì họ vẫn phải chịu các loại thuế do pháp luật ấn định nhưng được giảm ở các tỉ lệ khác nhau. Các khoản thu nhập do biểu, tặng được miễn thuế. Chính sách ưu đãi về thuế là một nhân tố hết sức quan trọng đóng góp vào sự phát triển hệ thống GD ngoài công lập ở Hàn Quốc trong nhiều thập niên qua.

Đối với GD ĐH, trong hơn 50 năm qua, các trường ĐH, CĐ Hàn Quốc chịu sự quản lí chặt chẽ của nhà nước kể cả các trường tư thực. Tuy nhiên những năm gần đây, đặc biệt từ sau cải cách GD năm 1995, các trường ĐH tư thực đã được tăng quyền tự chủ rất nhiều, nhà nước đã giảm thiểu sự can thiệp vào các công việc quản lí nhà trường, công tác tuyển sinh, quyền quyết định trong chi tiêu, tuyển dụng cán bộ, mở thêm chi nhánh, liên doanh, liên kết và hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước nhằm nâng cao chất lượng quản lí, dạy và học của nhà trường. Nghiên cứu của Chong-Jae Lee (2000) cho rằng mối quan hệ hiện nay giữa nhà nước và trường ĐH ở Hàn Quốc là loại hình quản lí hành chính trên cơ sở tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Trong các điều khoản pháp lí, các trường ĐH tư thực có quyền tự chủ thích hợp để thực hiện các hoạt động của họ. Các cơ quan quản lí nhà nước chỉ chú trọng đặc biệt trong giám sát, kiểm tra chất lượng đào tạo và tính minh bạch trong chi tiêu của các trường ĐH tư thực, coi đó là những tiêu chuẩn đánh giá hoạt động thực tiễn của từng trường.

2.2. Huy động các nguồn lực (tài chính và lực lượng tham gia)

Các trường tiểu học, THCS, THPT Hàn Quốc trực thuộc sự quản lí của sở GD các tỉnh và thành phố. GD tiểu học và THCS là bắt buộc và chính phủ trả phần lớn lương của giáo viên và các chi phí khác. Các trường THPT, CĐ, ĐH được thu học phí để bổ sung thêm vào nguồn ngân sách nhà nước cấp và các khoản có được từ cha mẹ học sinh và các nguồn địa phương.

Tài chính cho phát triển GD Hàn Quốc bao gồm ngân sách trung ương, địa phương và các

nguồn độc lập từ các trường tư thục. Ngân sách GD của nhà nước cấp cho các Sở GD trực tiếp quản lí các trường tiểu học, trung học, đồng thời cấp cho hoạt động của các ĐH quốc gia, hỗ trợ một phần tài chính cho các trường ĐH tư thục, các cơ quan quản lí GD và viện nghiên cứu GD. Ngân sách nhà nước cho GD được hỗ trợ từ nguồn thuế quốc gia. Ngân sách nhà nước cho GD bao gồm 90% từ ngân sách trung ương và 10% từ ngân sách địa phương. Theo đánh giá của OECD dựa trên báo cáo của 30 nước thành viên và 19 nước không phải là thành viên của OECD thì chi phí cho GD của Hàn Quốc năm 2002 chiếm 7.1% GDP. Con số này là cao hơn so với một số nước như Đức 5,3%, Anh 5,9%, Nhật 4,7% và Pháp 6,1%. Tuy nhiên, chính phủ Hàn Quốc chỉ đồng ý chi 4,2% GDP cho GD, thấp hơn so với trung bình của nhiều nước OECD là 5,1%. Trong khi đó chi phí của khu vực tư nhân cho GD ở Hàn Quốc chiếm 2,9% GDP, cao hơn rất nhiều so với trung bình là 0,7% ở các nước khác trong khối OECD.

Nguồn tài chính cho các trường ngoài công lập bao gồm học phí, hỗ trợ từ các nguồn trung ương, địa phương và từ những người sáng lập trường. Bảng 4 và 5 dưới đây cho thấy nguồn thu và chi của các trường ngoài công lập trong năm 2002 (KEDI statistical office, 2004)

Bảng 4: Nguồn thu của các trường ngoài công lập, 2002

(Đơn vị: 100 triệu won)

| Trường | Học phí | Ngân sách | Lưu chuyển từ sáng lập viên | Các nguồn khác | Tổng cộng |
|-----------|---------|-----------|-----------------------------|----------------|-----------|
| Tiểu học | 963 | 15 | 207 | 418 | 1.603 |
| THCS | 2.611 | 8.590 | 238 | 239 | 11.678 |
| THPT | 15.464 | 17.647 | 696 | 933 | 34.740 |
| Đại học | 55.308 | 2.575 | 14.224 | 13.299 | 85.406 |
| Tổng cộng | 74.346 | 28.827 | 15.365 | 14.889 | 133.427 |

* Các trường ĐH tư thục bao gồm cả các ĐH công nghiệp. Nguồn: KEDI statistical office, 2004

Bảng 5: Chi tiêu của các trường ngoài công lập, 2002

(Đơn vị: 100 triệu won)

| Trường | Lương | Kinh phí hoạt động | Chi phí quản lí cơ sở vật chất và chi phí khác | Tổng cộng |
|-----------|--------|--------------------|--|-----------|
| Tiểu học | 948 | 537 | 118 | 1.603 |
| THCS | 8.654 | 2.458 | 566 | 11.678 |
| THPT | 23.690 | 8.401 | 2.649 | 34.740 |
| Đại học | 31.843 | 29.877 | 23.686 | 85.406 |
| Tổng cộng | 65.135 | 41.273 | 27.019 | 133.427 |

* Các trường ĐH tư thục bao gồm cả các ĐH công nghiệp. Nguồn: KEDI statistical office, 2004

Phát triển GD ngoài công lập ở Hàn Quốc còn được đồng đảo các thành phần, tầng lớp nhân dân tham gia. Trong bài phát biểu tại Hội nghị GD toàn quốc chuẩn bị cho cải cách GD cuối tháng 4/1995, Tổng thống Kim Yong Sam tuyên bố "...Dù cho có nỗ lực nhiều đến đâu chẳng nữa thì một mình chính phủ cũng không thể đảm bảo được sự thành công của cải cách GD...". Với tinh thần đó rất nhiều hội đồng, ủy ban, viện... được thành lập để quy tụ các tổ chức, thành viên tham gia làm GD một cách có tổ chức và hiệu quả. Các tổ chức tài chính, lao động, thương mại không tham gia trực tiếp vào các hoạt động chuyên môn về GD thì tham gia góp ngân sách cho quỹ phát triển nhân lực. Quỹ này hàng năm sẽ có 250 tỉ won chi cho việc hỗ trợ các cá nhân đang làm việc tại các xí nghiệp gặp khó khăn về tài chính có cơ hội học tập, nâng cao trình độ.

3. Kết luận

Phát triển GD ngoài công lập ở Hàn Quốc có thể nói là thành công và đã góp phần vào sự phát triển của "một nước Hàn Quốc mới" trong bối cảnh toàn cầu hoá. Tuy nhiên phát triển GD ở Hàn Quốc trong nhiều năm qua cũng có một vấn đề không được công luận ủng hộ, đó là chi tiêu của khu vực tư nhân cho GD quá cao. Sự gia tăng đầu tư của gia đình cho GD là một yếu tố mang tính truyền thống của Hàn Quốc, song

trong điều kiện hiện nay nhà nước phải là nhân tố chủ yếu trong cung ứng ngân sách cho GD thì mới có thể tiến kịp các nước tiên tiến trong kĩ thuật thông tin và trị thức. Các nghiên cứu chỉ rõ: Để tạo điều kiện hơn nữa cho phát triển GD ngoài công lập ở Hàn Quốc, cần tiến hành một số biện pháp như:

- Cho phép các trường đặt ra các mức học phí linh hoạt trong khuôn khổ cho phép để tạo thêm nguồn tài chính cho nhà trường;

- Tăng thêm tài trợ tài chính từ ngân sách nhà nước cho các trường ngoài công lập;

- Cải tiến mô hình quản lí phù hợp cho các ĐH tư thục. Hiện tại các trường ĐH tư thục nhận kinh phí tài trợ cho nghiên cứu từ chính phủ giống như các trường công lập. Do vậy, cải tiến mô hình quản lí của các trường tư thục là rất quan trọng để tăng hiệu quả tối đa trong sử dụng ngân sách nhà nước;

- Tạo điều kiện cho các ĐH tư thục tham gia hơn nữa vào thị trường GD quốc tế thông qua hợp tác trao đổi sinh viên và giảng viên;

- Tăng cường hợp tác và đảm bảo chất lượng đối với các trường ĐH tư thục. Hiện tại Hàn Quốc và Nhật Bản đã hợp tác xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng, nó có thể đóng vai trò dẫn đầu đối với các ĐH tư thục ở Châu Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Jung Na. *Nghiên cứu so sánh về GD mầm non Mông Cổ, Việt Nam và Hàn Quốc*. Bộ GD&ĐT, tài liệu hội thảo, 6/1999.
2. MOE. *Education in Korea 2003-2004*. KEDI, 2004.
3. Ngô Xuân Bình (chủ biên). *Tim hiểu cải cách GD ở Hàn Quốc*. NXB Khoa học xã hội, 2002.
4. Hyun Sook Yu. *Korean private higher education and policy suggestions*. Paper presented in the workshop in Japan in November 2004
5. Lee, Chongjae. *Emerging partterns of relation between government and university: Riding a horse with carrots and whip*. Paper presented at the National Workshop on university and government – changing partterns of relation in Tokyo, 2000.
6. Park, Jungsoo. *A reform agenda for the university finance in Korea – Focus on the national university system*. Korean Journal of Public Finance, Vol. 15, No. 2, 2001.

SUMMARY

The article introduces the development of non-public education in the Republic of Korea as one of the important factors to contribute to the success of education in particular and of a new South Korea" in general in the context of globalization.

CÔNG TÁC... (Tiếp theo trang 58)

nâng cao chất lượng của các cuộc thi kể cả về quy mô, hình thức, nội dung, phương pháp tổ chức.

III. Những kiến nghị đề xuất với Bộ GD-ĐT

1. Nên có quy định hạn mức kinh phí hàng năm chi cho công tác chỉ đạo và các hoạt động PC tội phạm, ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội cho mỗi đơn vị trường học.

2. Không lấy số lượng nghiệm hút ma túy để đánh giá thi đua mà phải xem xét đánh giá công tác quản lí, chỉ đạo giáo dục PC của các đơn vị trường học và hiệu quả đạt được để làm căn cứ đánh giá thi đua đối với các sở GD-ĐT.

IV. Kết luận

Kết quả của công tác chỉ đạo PC tội phạm, ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội của ngành trong 5 năm qua khẳng định sự nỗ lực của các cấp quản lí trong toàn ngành đối với công tác giáo dục PC tội phạm, ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội trong thanh, thiếu niên HS, SV. Nó thể hiện ý thức nghiêm túc tiếp thu thực hiện các chủ trương biện pháp chỉ đạo của trung ương và tỉnh đối với tất cả cán bộ, công nhân viên chức trong ngành GD - ĐT Hà Tây.

Tình hình tội phạm, ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội trên toàn quốc nói chung, trên địa bàn Hà Tây nói riêng còn diễn biến rất phức tạp, vẫn có xu hướng gia tăng và tiềm ẩn nguy cơ xâm nhập vào tuổi trẻ học đường, đòi hỏi mỗi chúng ta cần phải luôn cảnh giác phòng ngừa, ngăn chặn. Việc giáo dục thanh thiếu niên HS, SV có ý thức tự phòng và đấu tranh PC tội phạm, ma túy, HIV/AIDS luôn là nhiệm vụ quan trọng của ngành GD - ĐT.

Phát huy những thành tích đã đạt được, từ những bài học kinh nghiệm của công tác chỉ đạo PC tội phạm, ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội trong trường học của 5 năm qua, ngành GD-ĐT Hà Tây quyết tâm phấn đấu xây dựng đến năm 2010 tất cả các trường không có tội phạm, ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.

(Trích Báo cáo của Sở GD-ĐT Hà Tây tại Hội nghị tổng kết công tác PC ma túy giai đoạn 2001-2005)